

Bản án số: 136/2026/HS-ST

Ngày: 17 - 3 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hà

Thẩm phán: Ông Trần Minh Châu

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Ngọc Thực
- Ông Trần Văn Triều
- Ông Nguyễn Văn Tính

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thúy Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 1229/2025/TLST-HS ngày 05/12/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1354/2026/QĐXXST-HS ngày 05/3/2026 đối với bị cáo:

Hà Văn N; giới tính: N; sinh ngày 26/02/1993; tại tỉnh BĐ (nay là tỉnh GL); nơi đăng ký thường trú: thôn H 1, xã PA, huyện P, tỉnh BĐ (nay là xã P Đông, tỉnh GL); quốc tịch: Việt N; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Thợ y; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Hà Văn Yên và bà Nguyễn Thị Hồng V; có vợ tên Nguyễn Thị Kim T và 02 con: lớn sinh năm 2020, nhỏ sinh năm 2024; tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giam từ ngày 10/9/2024; có mặt.

Bị hại: Ông Lê Văn T, sinh năm 1990;

Địa chỉ: xyzA/xx/yy BĐ, phường 15, quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường BĐ, Thành phố Hồ Chí Minh); có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Hà Văn N: Luật sư Nguyễn Trung C, Công ty Luật TNHH MTV CT thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng năm 2015, Hà Văn N và anh Lê Văn T quen biết nhau (do ở cùng khu nhà trọ ở gần trường Đại học Nông Lâm, Thành phố Hồ Chí Minh). Đến

tháng 02/2018, N rủ anh T hùn vốn để chăn nuôi heo cùng với N tại huyện Củ Chi, thì anh T đồng ý. Từ ngày 15/02/2018 đến ngày 20/4/2019, anh T đưa tiền mặt và sử dụng tài khoản ngân hàng số 12010006747655 mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam đứng tên Lê Văn T chuyển tổng số tiền 527.000.000 đồng cho Hà Văn N. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền của anh T, N không sử dụng vào việc kinh doanh chăn nuôi heo mà tiêu xài cá nhân, nuôi cá koi, kinh doanh vi sinh dẫn đến thua lỗ. Khi anh T yêu cầu N trả lại tiền vốn thì N đồng ý và ghi giấy xác nhận nợ số tiền 447.000.000 đồng tiền góp vốn kinh doanh. Ngoài ra, anh T còn cho N mượn số tiền 638.000.000 đồng. Qua nhiều lần trả nợ, tính đến ngày 20/3/2020, N còn nợ anh T số tiền 670.000.000 đồng.

Lúc này, do không còn khả năng trả nợ nên N nảy sinh ý định làm giả “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” để bán đất cho anh T với mục đích cần trừ nợ và chiếm đoạt tiền của anh T. Sau đó, N lên mạng xã hội Facebook liên hệ với đối tượng (chưa rõ lai lịch) đặt làm giả “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY751318, số vào sổ CH15862, chủ sở hữu tên Nguyễn Thị Kim Trúc (Sinh năm 1991; Thường trú tại thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa), Thửa đất số 1176, Tờ bản đồ số 39, tại xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh” với giá 3.000.000 đồng. Sau khi có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả mang tên chị Nguyễn Thị Kim Trúc (vợ của N), N nói dối với chị Trúc là N làm thủ tục online sang tên mảnh đất trên do N mua và đứng tên trước đây sang cho cho chị Trúc đứng tên, nên chị Trúc tin là thật và đồng ý với N.

Sau khi có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, N liên hệ và đặt vấn đề mượn thêm tiền của anh T, bảo đảm bằng việc thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại huyện Củ Chi với giá thời điểm cuối năm 2020 khoảng 1.500.000.000 đồng cho anh T thì anh T đồng ý. Ngày 01/02/2021, N hẹn anh T để ký biên bản xác nhận và cam kết trả nợ, sau khi xem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do N cung cấp (lúc này anh T không biết đây là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả) thì anh T đồng ý cho N mượn thêm số tiền 250.000.000 đồng và anh T sẽ giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY751318 để đảm bảo việc N trả nợ. Anh T yêu cầu chị Trúc cùng N ký tên vào Biên bản xác nhận và cam kết trả nợ (do Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Trúc đứng tên). Sau đó, N nói với chị Trúc cùng N ký tên trên Biên bản xác nhận và cam kết trả nợ với số tiền là 920.000.000 đồng. Sau khi N và chị Trúc ký Biên bản xác nhận và cam kết trả nợ, thì anh T chuyển khoản số tiền 250.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng số 0381000360865 mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương của Nguyễn Thị Kim Trúc. Sau đó, N kêu chị Trúc chuyển khoản trả nợ cho anh Nguyễn Minh Đức do N nợ anh Đức trước đó.

Khoảng 01 tuần sau, N gặp anh T thỏa thuận bán cho anh T lô đất đang thế chấp với giá 1.200.000.000 đồng thì anh T đồng ý. Do trước đó N nợ anh T số tiền 920.000.000 đồng nên anh T và N thống nhất là anh T sẽ đưa cho N thêm số tiền 100.000.000 đồng (tiền đặt cọc), tổng cộng là 1.020.000.000 đồng.

Số tiền còn lại là 180.000.000 đồng, khi nào N làm thủ tục sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất qua cho anh T thì anh T sẽ trả đủ số tiền còn lại cho N. Anh T soạn sẵn hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và yêu cầu

N và chị Trúc ký vào hợp đồng. Đến ngày 10/3/2021, anh T và N hẹn gặp nhau để ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và giao nhận tiền. N đem đến hợp đồng chuyển nhượng có sẵn chữ ký của N và chị Trúc. Anh T ký tên xác nhận vào hợp đồng chuyển nhượng và đưa số tiền mặt 100.000.000 đồng cho N. Sau khi ký hợp đồng, thì anh nhiều lần yêu cầu N thực hiện thủ tục sang tên nhưng N đưa ra nhiều lý do trì hoãn, né tránh. Đến tháng 7/2022, nghi ngờ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất N thế chấp cho anh T là giả nên anh T đã đến Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh Củ Chi để xác minh thì được biết “Giấy chứng nhận số GCN:CH15862 không có thông tin tại văn phòng”. Biết mình bị lừa và không còn liên lạc được với Hà Văn N nên ngày 18/4/2023, anh Lê Văn T làm đơn tố cáo gửi đến Cơ quan Công an Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Tổng số tiền N chiếm đoạt của anh T tổng cộng là 1.020.000.000 đồng.

Ngày 10/9/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định khởi tố vụ án, Quyết định khởi tố bị can và Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Hà Văn N, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 5 và Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Văn N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại Kết luận giám định số 11298/KL-KTHS ngày 18/10/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: *Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY751318 đứng tên Nguyễn Thị Kim Trúc, đề ngày 10/12/2020 là giả.*

Tại Kết luận giám định số 4529/KL-KTHS ngày 28/4/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: *Chữ ký, chữ viết họ tên Hà Văn N trên “GIẤY THỎA THUẬN CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT VÀ GIAO NHẬN TIỀN ĐẤT CỌC” giữa Nguyễn Thị Kim Trúc, Hà Văn N và Lê Văn T đề ngày 10/3/2021 so với chữ ký, chữ viết của Hà Văn N trên “BIÊN BẢN LÀM VIỆC” về mẫu chữ ký, chữ viết đối với Hà Văn N, đề ngày 27/3/2025 do cùng một người ký, viết ra.*

Tại bản Cáo trạng số 144/CT-VKS-P2 ngày 18/11/2026, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Hà Văn N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo Điều 174 và Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội danh theo Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Hà Văn N từ 07 năm đến 08 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Hà Văn N từ 03 năm đến 04 năm về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Tổng hợp hình phạt chung của cả hai tội là từ 10 năm đến 12 năm tù.

Trách nhiệm dân sự: Ngày 21/02/2025, bị cáo và gia đình của bị cáo Hà Văn N đã khắc phục toàn bộ số tiền bị chiếm đoạt 1.020.000.000 đồng cho anh Lê Văn T. Anh T có đơn xin rút đơn tố giác tội phạm, không yêu cầu bồi thường nên không xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày:

Đồng ý với tội danh và khung hình phạt Viện kiểm sát đã truy tố, tuy nhiên đề nghị mức hình phạt có phần nghiêm khắc. Bị cáo mượn tiền anh T đã có làm kinh doanh và hợp tác làm ăn chung nhưng bị thua lỗ, bị cáo sử dụng tài liệu giả chỉ để mục đích kéo dài việc thanh toán. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường toàn bộ hậu quả cho bị hại và tại phiên tòa ông T đã xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo có chú ruột là liệt sĩ nên đề nghị áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 cho bị cáo hưởng mức án khoan hồng.

Bị cáo đồng ý nội dung bào chữa của Luật sư, không bào chữa bổ sung, bị hại không tham gia tranh luận.

Lời nói sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mức án khoan hồng để bị cáo sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Hà Văn N không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Hà Văn N đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo Hà Văn N tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung, biên bản đối chất, các bản kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Từ tháng 02/2018 đến tháng 3/2020, bị cáo Hà Văn N vay mượn tiền nhiều lần của anh Lê Văn T để kinh doanh nhưng thua lỗ. Do hết khả năng trả nợ nên Hà Văn N dùng thủ đoạn gian dối, đặt làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY751318 do Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/12/2020 đứng tên Nguyễn Thị Kim Trúc để thế

chấp vay tiền, chiếm đoạt số tiền 1.020.000.000 đồng sử dụng cho mục đích cá nhân hết.

[3] Hành vi của bị cáo Hà Văn N là đặc biệt nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý hành chính nhà nước, sự hoạt động bình thường và uy tín của các cơ quan, tổ chức, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội. Do đó, cần xử lý nghiêm để giáo dục, cải tạo đối với bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung. Xét hành vi, mức độ phạm tội của bị cáo đã gây ra, cần áp dụng mức hình phạt cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo Hà Văn N thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã khắc phục toàn bộ hậu quả cho bị hại, bị hại có đơn xin rút đơn tố giác tội phạm, có chú ruột là liệt sĩ. Đây là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Đối với chị Nguyễn Thị Kim Trúc không bàn bạc với Hà Văn N, không biết việc N lấy thông tin của Trúc để đặt làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để chuyển nhượng cho anh T nhằm chiếm đoạt tài sản, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh không xử lý hình sự là có căn cứ.

[7] Trách nhiệm dân sự: Bị hại Lê Văn T đã được bị cáo N bồi thường toàn bộ số tiền 1.020.000.000 đồng, không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Những phân tích nêu trên cũng là quan điểm của Hội đồng xét xử về chấp nhận quan điểm của Kiểm sát viên và chấp nhận một phần ý kiến của Luật sư bào chữa cho bị cáo.

[8] Xử lý vật chứng: Đối với 01 Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY751318 do Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/12/2020, qua giám định xác định là tài liệu giả, đây là tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên tiếp tục lưu hồ sơ vụ án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Hà Văn N 07 (bảy) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

Xử phạt bị cáo Hà Văn N 03 (ba) năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Căn cứ Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tổng hợp hình phạt chung của cả hai tội là 10 (mười) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 10/9/2024.

Bị cáo Hà Văn N phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (2)
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM; (3)
- Phòng PV06 - Công an TP.HCM; (1)
- Bị cáo; (1)
- Bị hại; (1)
- Trại giam; (1)
- THA dân sự TP.HCM; (1)
- THA Hình sự; (2)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- Lưu, Tòa Hình sự, hồ sơ (20) (5)

Nguyễn Văn Hà